

Bản án số: **58/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/7/2019

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Hồ Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2019, về việc tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn S (tên gọi khác Nguyễn Văn S), sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Số nhà HS đường số HM, tổ B, thôn B1, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: : Số nhà HS đường số HM, tổ B, thôn B1, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt ông S; vắng mặt bà T lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2019, biên bản lấy lời khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Phạm Văn S trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Lệ T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 1992. Nhưng vì chung sống với nhau không hòa hợp, không có hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 1995 cho đến nay. Nay ông S xác định không còn tình cảm với bà T, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu được ly hôn.

Qua kết quả xác minh, Tòa án xác định được ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ T không còn chung sống với nhau trên 20 năm, hiện mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn liên quan đến nhau nữa.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Nguyễn Thị Lệ T không đến tham gia. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều không có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp; thời hạn chuẩn bị xét xử phù hợp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Thấy rằng, ông S và bà T đã không còn chung sống với nhau từ năm 1995 vì mâu thuẫn giữa hai bên, hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý chứ thực tế không còn tồn tại. Do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2019, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn.

[2] *Về thẩm quyền*: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự*: Bà Nguyễn Thị Lệ T là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nên tiến hành xét xử vắng mặt bà T, là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Giữa ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Lệ T tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, mặc dù tại trích lục kết hôn và giấy tờ tùy thân có họ tên khác nhau, nhưng căn cứ vào văn bản xác nhận ngày 09/5/2019 của Công an xã N xác định ông Phạm Văn S và ông Nguyễn Văn S là cùng một người, nên quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, đến nay hôn nhân của ông S và bà T thực tế không đạt được mục đích mà chỉ tồn tại về mặt pháp lý, bởi lẽ vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau trên 20 năm vì phát sinh mâu thuẫn. Do đó Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S, là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không có đơn yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[6] *Về án phí*: Ông Phạm Văn S chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Ông Phạm Văn S (tên gọi khác Nguyễn Văn S) ly hôn bà Nguyễn Thị Lệ T.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0025327 ngày 16/5/2019. Ông S đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (22/7/2019); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./-

Nơi nhận:

-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-CCTHADS huyện;
-Nơi đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Minh Tuấn